

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 14-01-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Huỳnh Thị Long

+ Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà Trần Thị
Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công
Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2024/TLST-DS ngày 01
tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 284/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 và
Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: xxxx – xxxx NKKN, phường V, quận X, Tp H

Đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Đức Thạch D**, chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài
sản Ngân hàng S (Công ty S).**

Địa chỉ: xxx NKKN, phường V, quận X, Tp H

Đại diện theo pháp luật: **Lê Ngọc T**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Vũ Khánh C**, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: **Trần Gia T** – chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (xin vắng mặt)..

- *Bị đơn*: **Lê Thị H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:* Ngày 12/05/2021, bà H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa; Số thẻ: 472074-9637; hạn mức: 50.000.000 đồng; Lãi suất: 2,6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.500.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.194.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 11/09/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 57.710.981 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Sau đó, vào tháng 11/2022 bà H thanh toán thêm vào thẻ tín dụng số tiền 1.000.000 đồng. Nên nợ gốc của Bà H hiện còn lại là 56.710.981 đồng. (57.710.981 đồng – 1.000.000 đồng = 56.710.981 đồng).

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 21/12/2023 là 91.181.689 đồng. Trong đó dư nợ gốc: 56.710.981 đồng; Lãi suất quá hạn: 34.470.706 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc bà Lê Thị H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 21/12/2023 là 91.181.689 đồng. Trong đó dư nợ gốc: 56.710.981 đồng; Lãi suất quá hạn: 34.470.706 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

* Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Trần Gia T làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời ông T nộp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị H phải thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 14/01/2025 là 119.934.049 đồng (Một trăm mười chín triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm bốn mươi chín đồng) trong đó: Nợ gốc: 56.710.981 đồng; Lãi quá hạn: 63.223.068 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/01/2025 cho đến khi bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/5/2021, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Lê Thị H trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an phường 5, quận 8 thì không có ai tên Lê Thị H, sinh năm 1976 cư trú và sinh sống tại đây. Theo Kết quả xác minh của Công an xã Kiểng Phước thì bà Lê Thị H, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ vào Khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Trần Gia T làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà H vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 56.710.981 đồng đồng: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/5/2021 giữa Ngân hàng và bà H, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định bà H được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 472074-9637 hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, sau khi cấp thẻ, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền tổng số tiền là 49.500.000 đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.194.000 đồng, lần cuối cùng thanh toán vào ngày 10/8/2022, từ ngày 11/8/2022 bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 11/09/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, sau đó ngày 10/11/2022 bà H có thanh toán 1.000.000 đồng thì ngưng luôn. Theo quy định

tại Điều 91, Điều 93, Khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng TMCP S là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và bà H được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 19, Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, bà H có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ. Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 17.194.000 đồng đến ngày 10/7/2022, còn nợ lại 56.710.981 đồng. Căn cứ vào Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán khoản tiền dư nợ gốc còn lại là 56.710.981 đồng là có căn cứ.

3.2 Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày tạm tính đến ngày 14/01/2025: Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: “Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ”. “Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”. Ngày 10/8/2022 bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng xác định bà H không trả nợ đúng hạn và số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2025 với số tiền 63.223.068 đồng là có căn cứ.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/01/2025 là 119.934.049 đồng (Một trăm mười chín triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm bốn mươi chín đồng) trong đó: Nợ gốc: 56.710.981 đồng; Lãi quá hạn: 63.223.068 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 15/01/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày

12/05/2021 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với bà Lê Thị H.

Ngân hàng TMCP S là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là **119.934.049 đồng** (Một trăm mười chín triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm bốn mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc: 56.710.981 đồng; lãi quá hạn: 63.223.068 đồng tạm tính đến ngày 14/01/2025. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025, bà H còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/05/2021 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 5.996.702 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng TMCP S số tiền 2.279.542 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0028101 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nguyên